

## NGUỒN DỮ LIỆU ĐIỂM

Kết quả học tập mà KIT Schedule sử dụng được trích xuất từ dữ liệu điểm được công bố bởi Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng đào tạo Học viện Kỹ thuật Mật mã.

KIT Schedule **KHÔNG** lưu trữ mật khẩu đăng nhập của sinh viên, **KHÔNG** sử dụng tài khoản sinh viên cung cấp để đăng nhập website QLĐT nhằm trích xuất dữ liệu kết quả học tập.

Do hạn chế về lượng dữ liệu được phép tiếp cận, kết quả học tập của một số môn học có thể không được hiển thị đúng trên KIT Schedule. Các môn học này bao gồm những môn mà sinh viên sử dụng chứng chỉ để đổi điểm học phần. Sinh viên có thể thêm hoặc xóa môn học trong KIT Schedule để cập nhật lại chính xác điểm của các môn học đó.

### Lưu ý:

- Dữ liệu các môn học mà sinh viên tự cập được lưu trữ cục bộ trên thiết bị đang sử dụng.

- Việc tự cập nhật kết quả của một môn học trên KIT Schedule **KHÔNG** thay đổi kết quả học tập của môn học đó trên website QLĐT.

-----

## PHƯƠNG THỨC TÍNH ĐIỂM

KIT Schedule sử dụng phương pháp tính điểm được công bố tại ***Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Kỹ thuật mật mã***. Dưới đây là trích đoạn Chương III của quyết định:

Xem Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Kỹ thuật mật mã tại <https://ktdbcl.actvn.edu.vn/files/quy-dinh/qdhv-2021-1194-quy-che-dao-tao-dai-hoc.pdf>

### Điều 13. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, A+, B, B+, C, C+, D, D+ tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, A+, B, B+, C, C+, D, D+ mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

5. Điểm trung bình học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ. Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên. Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học khi sinh viên hoàn thành khóa học để xếp hạng và xét tốt nghiệp.

## **Điều 14. Đánh giá và tính điểm học phần**

1. Các thành phần điểm đánh giá học phần:

a) Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, bao gồm:

***Điểm thành phần 1 (ký hiệu là ĐTP1):*** được gọi là **Điểm kiểm tra học phần**, điểm kiểm tra học phần được tổng hợp căn cứ vào hai điểm thành phần là:

- *Điểm kiểm tra thường xuyên* (ĐKTTX, ký hiệu là DTP 1.1): là hình thức đánh giá trung gian trong quá trình học tập một học phần trong một học kỳ. Điểm kiểm tra thường xuyên có thể là điểm bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, thực hành, bảo vệ bài tập lớn. Tất cả các hình thức kiểm tra, đánh giá này phải được quy định trong Đề cương chi tiết học phần. Trừ những học phần như thực tập, thí nghiệm, thực hành, đồ án học phần, thì các học phần học lý thuyết đều phải có ít nhất một lần kiểm tra thường xuyên.

Nếu học phần có nhiều lần kiểm tra thì sẽ lấy kết quả trung bình cộng làm điểm kiểm tra thường xuyên.

Nếu sinh viên vắng kiểm tra không có lý do lần nào thì điểm kiểm tra lần đó bằng không (0). Sinh viên vắng mặt có lý do sẽ được giảng viên sắp xếp cho kiểm tra lại sau ngày kiểm tra chính thức.

- *Điểm đánh giá ý thức* (ĐĐGYT, ký hiệu là ĐTP1.2): Là điểm mà giảng viên đánh giá các hoạt động trong lớp (không liên quan đến bài kiểm tra) như viết báo cáo, làm đồ án học phần, thuyết trình, ý thức phát biểu

$$DTP1 = 0,7 \times DTP1.1 + 0,3 \times DTP1.2$$

đóng góp xây dựng bài trong lớp, thảo luận, chuẩn bị bài, thao tác trong phòng thực hành, ý thức chuyên cần và thái độ tham gia học tập, tuân thủ kỷ luật học tập.

***Điểm thành phần 1*** sẽ được tính theo công thức quy định trong đề cương chi tiết học phần (tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng), nếu trong đề cương chi tiết học phần chưa quy định thì được tính theo công thức sau:

**Điểm thành phần 2 (kỷ hiệu là ĐTP2):** là điểm đánh giá thi kết thúc học phần, điểm thi này được gọi là **điểm thi kết thúc học phần** (ĐTKTHP), sinh viên chỉ được dự thi tối đa hai lần cho một lần đăng ký học học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Sinh viên vắng mặt quá 25% số tiết học phần nào sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần của học phần đó và phải đăng ký học lại học phần đó vào các học kỳ kế tiếp hoặc học kỳ hè. Sinh viên bị cấm thi học phần nào thì điểm học phần đó bằng không (0,0 - hệ 4, điểm F) và phải đăng ký học lại.

- Kỳ thi phụ thi kết thúc học phần sẽ được tổ chức dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

- Sinh viên đủ điều kiện dự thi nhưng vắng mặt dự thi không có lý do chính đáng coi như đã dự thi 1 lần và phải nhận điểm không (0,0 - hệ 4, điểm F).

- Trong khi thi, kiểm tra, nếu sinh viên vi phạm quy chế, việc xử lý kết quả thi, kiểm tra và hình thức kỷ luật được tuân theo Điều 33 của Quy chế này.

- Hình thức thi kết thúc học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần, Giám đốc Học viện sẽ ra quyết định thay đổi hình thức thi trong trường hợp cần thiết.

b) Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm đánh giá ý thức được giảng viên công bố và trả bài kiểm tra cho sinh viên trên lớp học.

c) Đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá là điểm thi kết thúc học phần.

## 2. Các loại thang điểm đánh giá:

a) Thang điểm 10 (với một số lẻ thập phân) được sử dụng để đánh giá: **điểm ĐTP1.1; điểm ĐTP1.2; điểm ĐTP1; điểm ĐTP2; và điểm tổng hợp đánh giá học phần** (gọi tắt là **điểm học phần - VHP**) (trước khi quy đổi sang thang điểm 4);

b)Thang điểm chữ được sử dụng để phân loại kết quả học tập học phần của sinh viên;

c)Thang điểm 4 được sử dụng khi tính điểm kết thúc học phần, điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy, dùng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ, năm học, giai đoạn và xếp loại kết quả học tập toàn khoá của sinh viên.

d)Các loại thang điểm, ký hiệu điểm và cách quy đổi:

<b>Xếp loại*</b>	<b>Thang điểm 10</b>	<b>Thang điểm chữ</b>	<b>Thang điểm 4</b>
<b>Đạt</b> <i>(Được tích lũy)</i>	Từ 9,0 đến 10,0	A <sup>+</sup>	4,0
	Từ 8,5 đến 8,9	A	3,8
	Từ 7,8 đến 8,4	B	3,5
	Từ 7,0 đến 7,7	B+	3,0
	Từ 6,3 đến 6,9	C <sup>+</sup>	2,4
	Từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
	Từ 4,8 đến 5,4	D <sup>+</sup>	1,5
	Từ 4,0 đến 4,7	D	1,0



<b>Không đạt</b>	Từ 0,0 đến 3,9	F	0,0
------------------	----------------	---	-----

đ) Một số điểm đặc biệt:

+ Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập: P: từ 5,0 trở lên.

+ Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

3. Cách tính điểm học phần:

Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

**DHP** được tính theo công thức quy định trong đề

cương chi tiết học phần (tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng), nếu trong đề cương chi tiết học phần chưa quy định thì được tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm học phần (ĐHP)} = 0,3 \times \text{ĐTP1} + 0,7 \times \text{ĐTP2}$$

(tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 làm tròn đến một chữ số thập phân)

Trong đó:

ĐTP1: Điểm kiểm tra học phần (quy định tại khoản 1 điều này).

ĐTP2: Điểm thi kết thúc học phần (quy định tại khoản 1 điều này).

4. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đủ điều kiện đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần;

5. Việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số bằng với trọng

số khi đánh giá theo cách truyền thống, khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a)Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b)Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

6.Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

#### 7.Cách tính điểm trung bình học kỳ:

Điểm trung bình học kỳ (ĐTBHK) được tính theo điểm các học phần mà sinh viên đã đăng ký học tập trong học kỳ nằm trong chương trình đào tạo, đã được quy đổi sang thang điểm 4. Các bước tính như sau:

a)Quy đổi các điểm học phần từ thang điểm chữ sang thang điểm 4 (xem khoản 2 Điều 14 của Quy định

này);

b) Tính điểm trung bình theo công thức sau và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$  là điểm trung bình học kỳ

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$  theo thang điểm 4

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$  là tổng số học phần tính điểm trung bình trong học kỳ

- Khi tính điểm trung bình học kỳ,  $n$  bao gồm cả các học phần được đánh giá đạt và không đạt: có thang điểm chữ là A, A+, B, B+, C, C+, D, D+ và F;

- Không tính kết quả thi các học phần giáo dục

quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất vào điểm trung bình học kỳ. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với học phần này theo quy định riêng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Cách tính điểm trung bình tích lũy tính từ đầu khóa học:

Điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL) được tính từ điểm các học phần sinh viên đã tích lũy được từ đầu khóa học. Các bước tính như sau:

a) Quy đổi các điểm học phần từ thang điểm chữ sang thang điểm 4 (xem mục d khoản 2 điều này);

b) Tính điểm trung bình theo công thức sau và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$  theo thang điểm 4

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$  là tổng số học phần tính điểm trung bình tích lũy

- Khi tính điểm trung bình tích lũy, chỉ gồm các học phần được đánh giá đạt: có thang điểm chữ là A, A+, B, B+, C, C+, D và D+;

#### 9. Học lại, học cải thiện điểm:

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;

b) Tùy tình hình thực tế khi triển khai đào tạo các lớp học phần trong các học kỳ, sinh viên đăng ký học lại để cải thiện điểm được xem xét chấp thuận, điểm học phần của lần học nào cao hơn sẽ là điểm chính thức của học phần.

10. Các quy định khác liên quan đến đánh giá học phần:

a) Cách đánh giá sinh viên thông qua các hoạt động thí nghiệm, thực hành, làm bài tập, đồ án môn học, viết tiểu luận và các hoạt động đặc thù khác được quy định chi tiết trong đề cương chi tiết học phần;

b) Giám đốc Học viện ban hành quy chế về công tác khảo thí để quy định chi tiết việc tổ chức thi, kiểm tra, bao gồm quy định về thời gian ôn thi và thời gian thi, việc làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc tra, bảo quản bài thi, việc hoãn thi và miễn thi, yêu cầu ngưỡng điểm đạt của điểm thi kết thúc học phần (ĐTP2);

c) Tùy tình hình thực tế khi triển khai đào tạo trong các học kỳ, Học viện có thể cho phép sinh viên được thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để nâng điểm học phần từ không đạt thành đạt; trong trường hợp Học viện tổ chức cho sinh viên được thi lại, đánh giá lại, **điểm học phần - ĐHP** (quy định tại mục a Khoản 2 Điều này) sau khi thi lại, nếu đạt thì chỉ được giới hạn ở các mức điểm đạt như sau:

<b>Xếp loại*</b>	<b>Thang điểm 10</b>	<b>Thang điểm chữ</b>	<b>Thang điểm 4</b>
<b>Đạt</b>	Từ 6,3 đến 6,9	C <sup>+</sup>	2,4
	Từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
	Từ 4,8 đến 5,4	D <sup>+</sup>	1,5
	Từ 4,0 đến 4,7	D	1,0

### **Điều 15. xếp trình độ năm học**

Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- a) Trình độ năm thứ nhất:  $N < M$ ;
- b) Trình độ năm thứ hai:  $M < N < 2M$ ;
- c) Trình độ năm thứ ba:  $2M < N < 3M$ ;
- d) Trình độ năm thứ tư:  $3M < N < 4M$ ;



đ) Trình độ năm thứ năm:  $4M < N < 5M$ .

## **Điều 16. xếp hạng học lực**

Sinh viên được xếp loại học lực tính theo điểm trung bình học kỳ khi xếp loại kỳ học, điểm trung bình năm học khi xếp loại năm học, điểm trung bình tích lũy toàn khóa học (tính tới thời điểm xếp hạng) khi xếp loại tích lũy toàn khóa:

a) Đối với đào tạo theo tín chỉ (kết quả học tập tính theo thang điểm 4):

Từ 3,60 đến 4,00:	Xuất sắc;
Từ 3,20 đến 3,59:	Giỏi;
Từ 2,50 đến 3,19:	Khá;
Từ 2,00 đến 2,49:	Trung bình;
Từ 1,00 đến 1,99:	Yếu;
Dưới 1,00:	Kém.

b) Đối với đào tạo theo niên chế (kết quả học tập tính theo thang điểm 10):

Từ 9,0 đến 10,0:	Xuất sắc;
Từ 8,0 đến 8,9:	Giỏi;
Từ 7,0 đến 7,9:	Khá;
Từ 5,0 đến 6,9:	Trung bình;

Từ 4,0 đến 4,9:  
Dưới 4,0:

Yếu;  
Kém.

## **Điều 17. Điểm căn cứ để xét khen thưởng, xét học bổng, xét dự tuyển tuyển sinh đi học ngoài nước theo diện Hiệp định hàng năm**

1. Điểm căn cứ để xét khen thưởng, xét cấp học bổng khuyến khích học tập từng học kỳ căn cứ vào điểm trung bình học kỳ, điểm xét cấp xác nhận kết quả dự tuyển tuyển sinh đi học ngoài nước theo diện Hiệp định được dựa trên điểm trung bình học kỳ hoặc điểm trung bình tích lũy (tùy theo yêu cầu của cơ quan xét tuyển).

2. Để được xét cấp học bổng, ngoài kết quả học tập (thể hiện qua ĐTBHK), sinh viên cần phải đảm bảo được tiến độ học tập trung bình của chuyên ngành đào tạo thể hiện qua số lượng tín chỉ mà sinh viên đã đăng ký học và tích lũy lũy kế sau từng học kỳ.

Số lượng tín chỉ tích lũy để được xét học bổng theo từng học kỳ phải bằng hoặc trên mức tổng số tín chỉ theo thời khóa biểu dành cho sinh viên học tập đúng tiến độ của học kỳ xét học bổng.

## **Điều 18. Tổ chức đánh giá học phần**

Giám đốc Học viện ban hành quy định khảo thí, trong đó có nội dung chi tiết về việc tổ chức kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần.

## **Điều 19. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ**

1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp

sau:

a) Số lần cảnh báo học tập là 2 lần liên tiếp ở hai học kỳ liên nhau hoặc số lần cảnh báo học tập tính là 3 lần kể từ đầu khóa học;

b) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

3. Đơn vị quản lý học viên-sinh viên căn cứ vào kết quả học tập và phân loại học viên-sinh viên cuối mỗi kỳ học, thông báo cảnh báo tới sinh viên bằng văn bản.

4. Trong trường hợp sinh viên có quyết định thôi học, chậm nhất là 01 tháng kể từ ngày có quyết định thôi học, Hệ quản lý học viên-sinh viên tham mưu cho Giám đốc Học viện có văn bản thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Với học viên chuyên ngành Kỹ thuật mật mã, ngay sau khi có quyết định thôi học, Hệ quản lý học viên-sinh viên tham mưu cho Giám đốc Học viện thông báo bằng văn bản và làm thủ tục bàn giao học viên về đơn vị nơi gửi đi đào tạo.

5.Trong vòng 01 năm kể từ ngày sinh viên có quyết định thôi học, sinh viên thôi học được quyền cấp bằng kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy tính đến thời điểm sinh viên thôi học.

## **Điều 20. Xử lý kết quả học tập theo niên chế**

1.Cuối mỗi năm học, sinh viên được đánh giá đạt tiến độ học tập bình thường và được học tiếp lên năm học sau nếu đạt cả hai điều kiện sau (tính theo thang điểm 4):

a)Điểm trung bình năm học đạt từ 1,0 trở lên đối với năm học thứ nhất, từ 1,2 trở lên đối với năm thứ hai và từ 1,4 đối với năm thứ ba trở đi;

b)Số tín chỉ không đạt từ đầu khóa không vượt quá 16.

2.Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a)Điểm trung bình năm học đạt dưới 0,8;

b)Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 sau 2 năm học, dưới 1,4 sau 3 năm học và dưới 1,6 từ sau 4 năm

học trở đi;

c) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

3. Sinh viên không thuộc diện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xếp lớp học cùng khoá sau để cải thiện kết quả học tập.

4. Sinh viên được cảnh báo tối đa 02 lần khi điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,4 sau 2 năm học, dưới 1,6 sau 3 năm học hoặc dưới 1,8 từ sau 4 năm học trở đi;

c) Thời gian học tập đã đạt 90% giới hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này mà sinh viên vẫn còn nợ động số tín chỉ trên 15% tổng số tín chỉ của toàn khóa học.

5. Trong vòng 01 năm kể từ ngày sinh viên có quyết định thôi học, nếu có yêu cầu từ sinh viên, Học viện cấp bằng kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy tính đến thời điểm sinh viên thôi học.

## **Điều 21. Công nhận kết quả học tập và chuyển**

## **đổi tín chỉ**

1. Ket quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Học viện xem xét để công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Hội đồng chuyên môn của Học viện (do Phòng Đào tạo và Khoa chuyên ngành mà sinh viên theo học đề xuất) xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.



3. Học viện công khai tới sinh viên có nhu cầu công nhận chuyển đổi tín chỉ, về quy định việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, khối lượng tối đa được công nhận (đảm bảo khối lượng chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập của chương trình đào tạo).

## **Điều 22. Điều kiện thực tập tốt nghiệp cuối khóa**

Sinh viên phải tích lũy từ 75% tổng số tín chỉ toàn khóa học trở lên (không tính số tín chỉ các học phần: giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất) và đã hoàn thành xong các học phần nghiệp vụ, chuyên môn cần thiết cho nội dung thực tập.

## **Điều 23. Thi tốt nghiệp và bảo vệ đồ án tốt nghiệp**

1. Căn cứ tình hình thực tế hàng năm, Giám đốc Học viện sẽ quyết định phương án sinh viên thi tốt nghiệp cuối khóa hoặc sinh viên thực hiện đồ án tốt nghiệp cuối khóa hoặc phân loại hai nhóm đối tượng

sinh viên: đối tượng thực hiện đồ án tốt nghiệp và đối tượng thi tốt nghiệp;

2. Trong trường hợp Giám đốc Học viện quyết định có hai nhóm đối tượng, Học viện sẽ ban hành hướng dẫn thực hiện đồ án tốt nghiệp và hướng dẫn thi tốt nghiệp, tiêu chí để phân nhóm đối tượng sẽ được quy định cụ thể trong hướng dẫn. Những sinh viên nào đủ điều kiện nhận đồ án tốt nghiệp nhưng có nguyện vọng chuyển sang thi tốt nghiệp sẽ làm đơn xin chuyển sang thi tốt nghiệp.

3. Giám đốc Học viện ban hành quy định về khảo thí, trong đó có nội dung quy định về các trường hợp miễn thi tốt nghiệp, miễn thực hiện đồ án tốt nghiệp, cộng điểm khuyến khích cho điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm đồ án tốt nghiệp.